



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 3 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 1.4 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 3.047.844 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 1.887.992 triệu VND).

Ngày 14 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu mới). Thời gian chi trả cổ tức dự kiến là tháng 9 năm 2016. Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 75.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-074



Tấn Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		13.663.819.692.533	11.915.177.133.485
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	3.052.404.764.799	2.372.761.840.865
Tiền	111		584.191.498.132	349.396.206.420
Các khoản tương đương tiền	112		2.468.213.266.667	2.023.365.634.445
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		519.618.866.361	758.094.875.121
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11.1	519.618.866.361	758.094.875.121
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.479.562.580.203	1.608.216.522.801
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		890.806.349.122	1.210.987.095.176
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		582.384.684.717	390.265.827.195
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	46.275.491.404	47.234.353.011
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(41.436.240.308)	(41.276.739.619)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.532.295.268	1.005.987.038
Hàng tồn kho	140	13	8.332.618.659.016	6.937.441.787.064
Hàng tồn kho	141		8.552.332.201.189	7.208.055.393.649
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(219.713.542.173)	(270.613.606.585)
Tài sản ngắn hạn khác	150		279.614.822.154	238.662.107.634
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.217.390.776	18.548.607.805
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		243.289.073.316	212.136.927.444
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	153	21.1	6.626.264.461	7.976.572.385
Tài sản ngắn hạn khác	155		2.482.093.601	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		14.011.555.187.883	13.591.592.052.060
Các khoản phải thu dài hạn	210		17.019.383.954	16.485.258.954
Phải thu về cho vay dài hạn	215		5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		12.019.383.954	11.485.258.954
Tài sản cố định	220		11.884.794.959.889	8.211.430.447.399
Tài sản cố định hữu hình	221	14	11.722.377.705.876	8.047.470.109.033
<i>Nguyên giá</i>	222		17.492.328.217.032	13.055.040.780.097
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.769.950.511.156)	(5.007.570.671.064)
Tài sản cố định vô hình	227	15	162.417.254.013	163.960.338.366
<i>Nguyên giá</i>	228		193.794.149.259	193.249.079.259
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(31.376.895.246)	(29.288.740.893)
Bất động sản đầu tư	230	16	193.610.884.551	192.494.292.820
<i>Nguyên giá</i>	231		231.067.736.012	236.450.059.552
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(37.456.851.461)	(43.955.766.732)
Tài sản dở dang dài hạn	240		987.418.722.356	4.342.159.437.952
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3.129.409.624	2.970.929.067
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	984.289.312.732	4.339.188.508.885
Đầu tư tài chính dài hạn	250		110.269.010.218	102.545.479.270
Đầu tư vào công ty liên kết	252	11.2	3.775.734.591	3.806.335.925
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11.2	15.702.128.365	15.702.128.365
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11.1	90.791.147.262	83.037.014.980
Tài sản dài hạn khác	260		818.442.226.915	726.477.135.665
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	596.144.049.693	551.682.828.680
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	137.138.991.423	83.703.031.782
Tài sản dài hạn khác	268		13.000.000	-
Lợi thế thương mại	269	20	85.146.185.799	91.091.275.203
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.675.374.880.416	25.506.769.185.545

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.149.618.840.821	11.040.058.800.235
Nợ ngắn hạn	310		9.172.721.750.928	9.992.832.755.685
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.430.633.005.059	2.638.687.908.117
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		115.487.829.109	50.112.574.555
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	21.2	629.073.838.185	398.530.099.807
Phải trả người lao động	314		145.892.641.950	212.634.466.249
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22.1	119.030.230.544	106.756.384.950
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	22.839.414.610	14.311.517.049
Phải trả ngắn hạn khác	319	24.1	159.345.794.310	95.876.723.487
Vay ngắn hạn	320	25.1	5.250.888.350.226	6.116.817.325.257
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	26	9.503.270.688	9.745.648.320
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	290.027.376.247	349.360.107.894
Nợ dài hạn	330		976.897.089.893	1.047.226.044.550
Chi phí phải trả dài hạn	333	22.2	240.550.616.058	181.520.840.109
Phải trả dài hạn khác	337	24.2	115.817.922.084	110.185.097.424
Vay dài hạn	338	25.2	600.000.000.000	739.000.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	157.445.445
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	20.528.551.751	16.362.661.572

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Hoa Phat Group Joint Stock Company
Consolidated balance sheet as at 30 June 2016 (continued)

Form B 01a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
EQUITY (400 = 410)	400		17,525,756,039,595	14,466,710,385,310
Owners' equity	410	28	17,525,756,039,595	14,466,710,385,310
Share capital	411	29	7,329,514,190,000	7,329,514,190,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		7,329,514,190,000	7,329,514,190,000
Capital surplus	412		674,149,437,068	674,149,437,068
Treasury shares	415		(961,000,000)	(638,500,000)
Investment and development fund	418	31	891,436,091,839	891,436,091,839
Retained profits	421		8,554,019,917,353	5,549,332,356,102
- Retained profits brought forward	421a		5,506,175,740,518	2,455,676,950,702
- Retained profits for the current period	421b		3,047,844,176,835	3,093,655,405,400
Non-controlling interest	429		77,597,403,335	22,916,810,301
TOTAL RESOURCES	440		27,675,374,880,416	25,506,769,185,545
(440 = 300 + 400)				

22 August 2016

Prepared by:



Dinh Phuong Loan
General Accountant

Approved by:



Pham Thi Kim Oanh
Chief Accountant



Tran Tuan Duong
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	15.400.473.917.376	13.667.650.758.651
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	209.837.449.603	181.948.402.799
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	33	15.190.636.467.773	13.485.702.355.852
Giá vốn hàng bán	11	34	11.188.262.749.786	10.770.317.886.170
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		4.002.373.717.987	2.715.384.469.682
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	113.034.627.821	125.765.208.447
Chi phí tài chính	22	36	188.837.770.692	231.291.520.061
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>148.371.369.786</i>	<i>109.641.559.405</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(30.601.334)	(50.811.660)
Chi phí bán hàng	25	37	197.038.927.854	195.944.459.639
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	159.024.214.496	212.687.701.047
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		3.570.476.831.432	2.201.175.185.722
Thu nhập khác	31	39	228.450.003.281	132.291.040.648
Chi phí khác	32	40	205.776.885.203	187.216.407.714
Lợi nhuận /(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		22.673.118.078	(54.925.367.066)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.593.149.949.510	2.146.249.818.656
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	596.542.852.376	256.352.489.872
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	42	(53.593.405.086)	(12.123.277.780)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.050.200.502.220	1.902.020.606.564

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Hoa Phat Group Joint Stock Company

Consolidated statement of income for the six-month period ended 30 June 2016 (continued)

Form B 02a – DN/HN

(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	Six-month period ended	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Reclassified
Net profit after tax (60 = 50 - 51 - 52)	60		3,050,200,502,220	1,902,020,606,564
Attributable to:				
Equity holders of the parent company	61		3,047,844,176,835	1,887,991,855,666
Non-controlling interest	62		2,356,325,385	14,028,750,898
Basic earnings per share	70	43	4,159	2,576

22 August 2016

Prepared by:



Dinh Phuong Loan
General Accountant

Approved by:



Pham Thi Kim Oanh
Chief Accountant



Tran Tuan Duong
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.593.149.949.510	2.146.249.818.656
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		785.868.912.753	586.713.806.543
Phân bổ lợi thế thương mại	02		10.891.064.138	60.745.454.988
Các khoản dự phòng	03		(46.817.051.176)	11.262.562.200
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		15.132.197.385	57.941.582.150
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(91.685.275.922)	(4.847.439.835)
Chi phí lãi vay	06		148.371.369.786	109.641.559.405
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.414.911.166.474	2.967.707.344.107
Biến động các khoản phải thu	09		150.517.249.927	(221.583.243.153)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.340.011.970.796)	1.238.366.216.355
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(316.049.450.312)	(147.935.436.597)
Biến động chi phí trả trước	12		131.581.015.610	24.955.407.201
			3.040.948.010.903	3.861.510.287.913
Tiền lãi vay đã trả	14		(150.412.187.505)	(146.493.725.095)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(366.492.126.000)	(284.478.499.093)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(107.155.680.914)	(101.633.853.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.416.888.016.484	3.328.904.210.511
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(999.893.803.089)	(2.009.166.830.027)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		20.877.282.205	4.364.414.482
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(771.204.691.059)	(903.413.275.823)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.020.926.567.537	343.469.232.554
Tiền thu lãi tiền gửi	27		78.538.486.778	46.367.432.640
Mua các công ty con (đã trừ đi số tiền của công ty con được mua)		9	(73.131.328.075)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(723.887.485.703)	(2.518.379.026.174)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Hoa Phat Group Joint Stock Company
Consolidated statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2016
(Indirect method - continued)

Form B 03a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	Six-month period ended	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
Proceeds from capital contributed by non-controlling shareholders	31		-	58,500,000
Proceeds from borrowings	33		10,302,903,073,604	12,282,151,907,021
Payments to settle loan principals	34		(11,314,503,157,757)	(12,557,302,248,966)
Payments of dividends	36		(1,644,376,163)	(539,220,984,457)
Net cash flows from financing activities	40		(1,013,244,460,316)	(814,312,826,402)
Net cash flows during the period (50 = 20 + 30 + 40)	50		679,756,070,465	(3,787,642,065)
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60		2,372,761,840,865	2,026,280,467,705
Effect of exchange rate fluctuations	61		(113,146,531)	12,588,800
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50 + 60 + 61)	70	10	3,052,404,764,799	2,022,505,414,440

22 August 2016

Prepared by:



Dinh Phuong Loan
General Accountant



Pham Thi Kim Oanh
Chief Accountant

Approved by



Tran Tuan Duong
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

1.2 Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình và trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế và tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ ống inox;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn, bò, gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; và
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1.4 Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Công ty con cấp 1	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 30/6/2016	1/1/2016
1	Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,72%	99,72%
2	Công ty CP Nội thất Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	99,60%	99,60%
3	Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện thép.	99,94%	99,91%
4	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,67%	99,67%
5	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,67%	99,67%
6	Công ty CP Thép Hòa Phát	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,99%	99,99%
7	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	99,96%
8	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	99,94%	99,94%
9	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	99,89%
10	Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%
11	Công ty TNHH MTV Chân nuôi Hòa Phát Đà Nẵng (trước đây là "Công ty TNHH MTV Khoáng sản Nam Giang") (i)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích và quyền
biểu quyết của Tập đoàn
30/6/2016 1/1/2016

STT	Công ty con cấp 1	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 30/6/2016	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 1/1/2016
12	Công ty TNHH MTV Tôn Hòa Phát (ii)	Sản xuất sắt, thép, gang; buôn bán kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; gia công cơ khí; sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại.	100%	-
13	Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (ii)	Chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, gia cầm, trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất dầu, mỡ động, thực vật, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất thức ăn chế biến sẵn, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.	99,9999%	-
14	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát (iii)	Trồng ngô và cây lương thực có hạt, trồng cây lấy củ có chất bột, trồng cây có hạt chứa dầu, trồng rau đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch; chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất chế biến dầu, mỡ động, thực vật; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	-	99,83%
15	Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (iii)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.	-	99,8%
16	Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát (iii)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, gia cầm, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.	-	100%
17	Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai (iii)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, gia cầm, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.	-	100%
18	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraceo (iv)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	-	98,42%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1 30/6/2016	1/1/2016	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn 30/6/2016	1/1/2016
<i>Công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>						
1	Công ty TNHH Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	100%	100%	99,72%	99,72%
2	Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,90%	99,90%	99,62%	99,62%
<i>Công ty con của Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>						
3	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%	99,94%	99,91%
4	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,94%	99,91%
5	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,98%	99,97%	99,92%	99,88%
6	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%	99,94%	99,91%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1
 30/6/2016 1/1/2016 30/6/2016 1/1/2016
 Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn

STT Công ty con cấp 2 Hoạt động chính

Công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát

7	Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	100%	100%	99,67%	99,67%
8	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	100%	100%	99,67%	99,67%

Công ty con của Công ty CP Golden Gain Việt Nam

9	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bắt động sản.	94,96%	94,96%	94,90%	94,90%
10	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lữ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bất động sản.	99,57%	99,57%	99,51%	99,51%

Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát

11	Công ty TNHH MTV Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%	100%	100%
----	-------------------------------------	--	------	------	------	------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
<i>Công ty con của Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</i>						
12	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát (iii)	Trồng ngô và cây lương thực có hạt, trồng cây lấy củ có chất bột, trồng cây có hạt chứa dầu, trồng rau đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch; chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất chế biến dầu, mỡ động, thực vật; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,90%	-	99,899%	-
13	Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (iii)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.	99,90%	-	99,899%	-
14	Công ty TNHH MTV Thương mại và Sản xuất thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát (iii)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, gia cầm, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.	100%	-	99,999%	-
15	Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai (iii)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, lợn, gia cầm, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.	100%	-	99,999%	-
16	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước (v)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	99,997%	-	99,996%	-
17	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát (ii)	Chăn nuôi gia cầm, lợn, dê, cừu, ngựa, lừa, la, trâu, bò; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; trồng ngô và cây lương thực có hạt, trồng cây lấy củ có chất bột, trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh.	100%	-	99,999%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 1		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
<i>Công ty con của Công ty CP Thép Hòa Phát</i>						
18	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên (vi)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm.	-	99,77%	-	99,76%
19	Công ty CP Khoáng sản Đức Long (vi)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm.	-	99,98%	-	99,97%
<i>Công ty con của Công ty CP Dầu tư Khoáng sản An Thông</i>						
20	Công ty TNHH MTV Bình Vàng	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý, khai thác quặng kim loại quý hiếm.	100,00%	100%	99,96%	99,96%
21	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên (vi)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm.	99,77%	-	99,73%	-
22	Công ty CP Khoáng sản Đức Long (vi)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm.	99,98%	-	99,94%	-
23	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco (iv)	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,42%	-	98,38%	-
24	Công ty TNHH MTV Dầu tư Phát triển Nông nghiệp Phú Thọ (vii)	Chăn nuôi lợn, trâu, bò, trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp, chế biến, bảo quản rau, quả, thịt và các sản phẩm từ thịt.	-	100%	-	99,96%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
<i>Công ty con của Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát</i>						
1	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình (v)	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	-	99,899%	-
2	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên (ii)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác.	100%	-	99,899%	-
3	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Ninh Bình	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,899%	99,80%
4	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Phú Thọ (vii)	Chăn nuôi lợn, trâu, bò, trồng trọt, chế biến, bảo quản rau, quả, thịt và các sản phẩm từ thịt.	100%	-	99,899%	-
5	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạc Thủy (viii)	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	-	100%	-	99,80%
6	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Bắc Giang	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,899%	99,80%
7	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Lạng Sơn	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	100%	100%	99,899%	99,80%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của công ty con cấp 2		Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2016	1/1/2016	30/6/2016	1/1/2016
<i>Công ty con của Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>						
8	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Quy Mỹ (ii)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	-	99,899%	-
9	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình (ii)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	72,72%	-	72,646%	-
10	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Chí Thiện (ii)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	-	99,899%	-
11	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi An Châu	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,83%
12	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vạn Thắng	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,83%
13	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,83%
14	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	100%	100%	99,899%	99,83%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích và quyền
biểu quyết của Tập đoàn
30/6/2016 1/1/2016

STT Công ty liên kết

Hoạt động chính

1 Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; và sản xuất than cốc, vôi, thạch cao.

(i) Ngày 10 tháng 6 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Đà Nẵng với Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Đà Nẵng vẫn là công ty con cấp 1 của Công ty do các thủ tục chuyển nhượng chưa được hoàn tất.

(ii) Đây là các công ty con mới thành lập trong kỳ.

(iii) Đây là các công ty con cấp 1 được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát trong kỳ.

(iv) Đây là công ty con cấp 1 được Công ty chuyển nhượng cho Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông trong kỳ.

(v) Đây là các công ty con được mua trong kỳ.

(vi) Đây là các công ty con cấp 2 được Công ty CP Thép Hòa Phát chuyển nhượng cho Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông trong kỳ.

(vii) Đây là các công ty con được Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông chuyển nhượng cho Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát trong kỳ.

(viii) Đây là công ty con đã giải thể trong kỳ.

Các công ty con và công ty liên kết của Công ty đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có 12.084 nhân viên (1/1/2016: 11.757 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

3.1 Cơ sở hợp nhất

(a) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phi khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(c) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(d) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(e) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn sử dụng giá trị ghi sổ theo nguyên tắc giá gốc của các tài sản và nợ phải trả thuần của công ty được mua dựa vào công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với Tập đoàn.

Các chi phí giao dịch phát sinh bởi Tập đoàn liên quan đến hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán viên, chuyên gia tư vấn pháp lý, chuyên gia thẩm định giá và các chuyên gia tư vấn khác liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận không được tính vào chi phí hợp nhất kinh doanh, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí trực tiếp khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.7 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 12 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 10 năm

3.8 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 15 đến 46 năm. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.9 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 49 năm

3.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3.11 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(b) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(d) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

3.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.14 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.15 Vốn cổ phần

(a) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(b) Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động

Theo chính sách của Tập đoàn, giá trị cổ phiếu thưởng phát hành cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá và không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Thu hồi cổ phiếu thưởng cho người lao động làm cổ phiếu quỹ

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho nhân viên đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(b) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.18 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(d) Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm hoàn thành bàn giao bất động sản.

(e) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(f) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.19 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như một phần của tổng chi phí thuê hoạt động.

3.20 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

3.21 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này và các công ty liên kết của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn đã thành lập và mua mới một số công ty con, giải thể một công ty con và thực hiện chuyển nhượng một số công ty con khác giữa các công ty trong nội bộ Tập đoàn. Chi tiết của các thay đổi này được trình bày trong Thuyết minh 1.4.

8. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất thép các loại: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Kinh doanh máy móc xây dựng: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa;
- Sản xuất hàng nội thất và điện lạnh: sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất và các sản phẩm điện lạnh;
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản: Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt, sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất, truyền tải, phân phối điện, bán buôn kim loại và quặng kim loại, và buôn bán than luyện cốc và than các loại;
- Nông nghiệp: Chăn nuôi lợn, bò, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp; các ngành phụ trợ liên quan khác; và
- Đầu tư tài chính (công ty mẹ): đầu tư dài hạn vào các công ty con và công ty liên kết.

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Giám đốc xác định rằng, hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất hàng dệt thối và điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khát thực khoáng sản VND	Nông nghiệp VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016									
Doanh thu thuần ra bên ngoài	12.996.899.031.907	137.354.619.502	1.148.042.446.989	195.918.478.506	106.607.689.734	605.814.201.135	-	-	15.190.636.467.773
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	6.000.669.841.506	31.604.377.318	42.221.538.960	121.418.395.347	2.325.994.478.203	612.205.182	13.339.200.000	(8.535.860.036.516)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	18.997.568.873.413	168.958.996.820	1.190.263.985.949	317.336.873.853	2.432.602.167.937	606.426.406.317	13.339.200.000	(8.535.860.036.516)	15.190.636.467.773
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.927.289.205.562	33.674.217.911	218.114.935.411	112.312.285.833	395.468.717.900	(58.259.370.938)	2.044.686.603.727	(2.102.809.763.974)	3.570.476.831.432
Thu nhập khác	190.562.825.909	844.696.080	21.812.848.446	21.768.549.478	8.717.738.608	46.236.277.878	3.737.766.621	(65.230.699.739)	228.450.003.281
Chi phí khác	(186.896.984.094)	(33.417.932)	(2.012.807.009)	(10.232.032.056)	(6.238.788.393)	(258.532.867)	(224.879.520)	120.556.668	(205.776.885.203)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(478.753.047.729)	(7.865.935.815)	(35.940.289.449)	(29.724.116.271)	(44.259.463.112)	-	-	-	(596.542.852.376)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoàn lại	22.627.210.327	-	(1.822.079.528)	7.946.340.739	-	-	-	24.841.933.548	53.593.405.086
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.474.829.209.975	26.619.560.244	200.152.607.871	102.071.027.723	353.688.205.003	(12.281.625.927)	2.048.199.490.828	(2.143.077.973.497)	3.050.200.502.220

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất hàng dệt may và điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Nông nghiệp VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016									
Tại sản của bộ phận	18.560.709.795.909	293.508.473.303	1.674.378.352.030	1.793.622.677.982	3.564.755.919.292	1.804.827.872.042	1.693.212.587.367	(1.713.416.532.100)	27.671.599.145.825
Khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	9.990.007.226.533	(9.990.007.226.533)	-
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	5.730.000.000	(1.954.265.409)	3.775.734.591
Tổng tài sản	18.560.709.795.909	293.508.473.303	1.674.378.352.030	1.793.622.677.982	3.564.755.919.292	1.804.827.872.042	11.688.949.813.900	(11.705.378.024.042)	27.675.374.880.416
Nợ phải trả của bộ phận	8.260.289.549.343	70.155.552.323	869.853.487.268	567.097.342.801	1.516.511.163.096	201.765.255.865	268.123.038.935	(1.604.176.548.810)	10.149.618.840.821
Tổng nợ phải trả	8.260.289.549.343	70.155.552.323	869.853.487.268	567.097.342.801	1.516.511.163.096	201.765.255.865	268.123.038.935	(1.604.176.548.810)	10.149.618.840.821
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016									
Chi tiêu vốn	755.059.082.415	7.762.263.754	42.846.470.845	14.013.625.569	90.315.233.193	362.511.327.181	7.062.440.000	(26.531.573.996)	1.253.038.868.961
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	(549.257.713.280)	(5.512.999.944)	(60.793.975.758)	(12.948.377.022)	(142.396.325.960)	(3.793.466.828)	(10.135.020.215)	4.674.867.543	(780.163.011.464)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(868.689.888)	(138.607.032)	(918.103.203)	-	(29.285.050)	(29.079.040)	(110.496.258)	6.106.118	(2.088.154.353)
Phần bù chi phí trả trước dài hạn	(197.496.192.191)	(485.507.593)	(6.492.780.668)	(494.287.128)	(6.015.571.118)	(2.776.529.690)	(2.212.965.334)	286.110.237	(215.687.723.485)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất hàng nội thất và điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Nông nghiệp VND	Dầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015									
Doanh thu thuần ra bên ngoài	11.055.560.769.006	142.100.957.446	1.057.035.801.838	659.129.715.151	483.391.050.821	88.484.061.590	-	-	13.485.702.355.852
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	6.072.115.860.142	27.076.847.305	19.193.129.530	59.793.463.170	1.620.475.136.454	-	12.576.221.000	(7.811.230.657.601)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	17.127.676.629.148	169.177.804.751	1.076.228.931.368	718.923.178.321	2.103.866.187.275	88.484.061.590	12.576.221.000	(7.811.230.657.601)	13.485.702.355.852
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	1.509.726.604.726	28.067.101.012	163.335.453.413	257.090.922.921	289.113.805.329	1.692.633.937	1.012.725.318.044	(1.060.576.653.660)	2.201.175.185.722
Thu nhập khác – đã phân loại lại	120.935.858.501	906.647.931	25.036.130.313	6.655.549.146	3.349.427.819	6.910.568	3.137.297.806	(27.736.781.436)	132.291.040.648
Chi phí khác – đã phân loại lại	(156.366.506.948)	(287.810.335)	(5.914.246.466)	(3.529.179.255)	(21.307.822.626)	-	(311.982.824)	501.140.740	(187.216.407.714)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(108.136.036.075)	(6.166.285.298)	(36.686.449.542)	(59.654.873.663)	(44.449.665.994)	(383.569.820)	(875.609.480)	-	(256.352.489.872)
	(1.053.973.116)	-	(160.563.065)	7.929.920.117	-	-	-	5.407.893.844	12.123.277.780
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.365.105.947.088	22.519.653.310	145.610.324.653	208.492.339.266	226.705.744.528	1.315.974.685	1.014.675.023.546	(1.082.404.400.512)	1.902.020.606.564

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất hàng nội thất và điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Nông nghiệp VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016									
Tài sản của bộ phận	16.942.015.286.439	274.973.018.487	1.635.345.709.419	1.910.699.885.605	3.852.422.923.146	965.948.963.815	1.090.838.321.365	(1.169.281.258.656)	25.502.962.849.620
Khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	-	8.534.660.542.633	(8.534.660.542.633)	-
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	5.730.000.000	(1.923.664.075)	3.806.335.925
Tổng tài sản	16.942.015.286.439	274.973.018.487	1.635.345.709.419	1.910.699.885.605	3.852.422.923.146	965.948.963.815	9.631.228.863.998	(9.705.865.465.364)	25.506.769.185.545
Nợ phải trả của bộ phận	8.474.202.029.018	60.328.785.218	698.257.804.461	505.658.442.121	1.431.441.295.248	647.341.216.503	210.778.630.594	(987.949.402.928)	11.040.058.800.235
Tổng nợ phải trả	8.474.202.029.018	60.328.785.218	698.257.804.461	505.658.442.121	1.431.441.295.248	647.341.216.503	210.778.630.594	(987.949.402.928)	11.040.058.800.235
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015									
Chi tiêu vốn	1.888.316.482.584	2.933.431.104	102.409.696.759	6.589.488.783	24.295.212.155	10.848.582.005	31.969.853.272	(6.886.293.333)	2.060.476.253.329
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	347.801.290.451	6.470.181.469	52.549.716.017	9.481.706.577	161.792.142.436	104.767.628	9.410.416.096	(3.339.223.346)	584.270.997.328
Khấu hao tài sản cố định vô hình	840.484.701	397.676.160	1.079.738.766	-	76.188.859	-	203.527.266	(154.806.537)	2.442.809.215
Phần bù chi phí tra trước dài hạn	98.500.636.142	1.695.809.196	5.976.581.805	67.931.911	7.436.518.980	222.540.225	2.034.701.800	(145.939.610)	115.788.780.449

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 31 tháng 1 năm 2016, Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát, một công ty con cấp 2 của Tập đoàn, nhận chuyển nhượng 100% vốn cổ phần và quyền kiểm soát tương ứng của Công ty CP Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 19 tháng 2 năm 2016, Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát, một công ty con của Tập đoàn, nhận chuyển nhượng 99,98% vốn cổ phần và quyền kiểm soát tương ứng của Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Việc mua các công ty con này có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua		
	Công ty CP Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình VND	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	814.669.434	2.576.002.491	3.390.671.925
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.000.000.000	-	19.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	51.274.309.086	51.274.309.086
Tài sản ngắn hạn khác	2.188.538.136	55.094.600	2.243.632.736
Tài sản cố định	-	805.226.190	805.226.190
Tài sản dở dang dài hạn	182.260.000	1.226.494.512	1.408.754.512
Nợ ngắn hạn	(20.598.000)	(6.516.086.975)	(6.536.684.975)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	22.164.869.570	49.421.039.904	71.585.909.474
Lợi ích của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	22.164.869.570	49.411.155.696	71.576.025.266
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	4.367.130.430	578.844.304	4.945.974.734
Khoản thanh toán cho việc mua lại	26.532.000.000	49.990.000.000	76.522.000.000
Khoản tiền thu được	(814.669.434)	(2.576.002.491)	(3.390.671.925)
Khoản tiền thanh toán thuần	25.717.330.566	47.413.997.509	73.131.328.075

Trong giai đoạn từ ngày mua tới ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh của hai công ty được mua chưa tạo ra doanh thu và bị lỗ 558 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	9.152.717.748	7.364.886.583
Tiền gửi ngân hàng	575.038.780.384	342.031.319.837
Các khoản tương đương tiền	2.468.213.266.667	2.023.365.634.445
	<hr/>	<hr/>
	3.052.404.764.799	2.372.761.840.865
	<hr/>	<hr/>

11. Các khoản đầu tư tài chính

11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	519.618.866.361	519.618.866.361	758.094.875.121	758.094.875.121
	<hr/>			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	90.791.147.262	(*)	83.037.014.980	(*)
	<hr/>			

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng đến 1 năm tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 5,4% đến 6,1% (1/1/2016: 3,5% đến 5,8%) một năm.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các tổ chức tài chính, được hưởng lãi suất từ 6,1% đến 6,8% (1/1/2016: 6,2% đến 6,3%) một năm.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	30/6/2016			1/1/2016		
		Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty liên kết							
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát - SSG	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	38,00%	38,00%	3.775.734.591	38,00%	38,00%	3.806.335.925
▪ Đơn vị khác							
• Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	Bắc Ninh, Việt Nam	6,98%	6,98%	15.000.000.000	6,98%	6,98%	15.000.000.000
• Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	7,00%	7,00%	700.000.000	7,00%	7,00%	700.000.000
• Khác				2.128.365			2.128.365
				<u>15.702.128.365</u>			<u>15.702.128.365</u>
				<u>19.477.862.956</u>			<u>19.508.464.290</u>
				(*)			(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi vay phải thu	17.628.538.757	16.260.121.412
Cho mượn vật tư	1.950.847.168	-
Thuế xuất khẩu nộp trước	781.972.177	2.916.009.473
Vật tư mang đi gia công	6.340.487.986	3.167.292.171
Phải thu khác	19.573.645.316	24.890.929.955
	<hr/>	<hr/>
	46.275.491.404	47.234.353.011

13. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi				
trên đường	845.076.974.890	(83.971.706.946)	695.366.378.460	-
Nguyên vật liệu	3.068.743.526.553	(65.149.866.517)	2.728.251.654.898	(214.141.701.768)
Công cụ và dụng cụ	1.011.818.544.190	(5.211.261.958)	826.775.384.751	(18.367.069)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	1.044.542.704.034	-	881.447.559.380	(10.762.651.083)
Thành phẩm	2.368.327.481.686	(45.847.781.528)	1.913.398.544.726	(42.842.913.922)
Hàng hóa	131.516.567.021	(15.933.494.286)	76.824.564.678	(2.847.972.743)
Hàng gửi đi bán	82.306.402.815	(3.599.430.938)	85.991.306.756	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	8.552.332.201.189	(219.713.542.173)	7.208.055.393.649	(270.613.606.585)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.426.015 triệu VND (1/1/2016: 1.318.451 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 999.542 triệu VND giá trị hàng tồn kho (1/1/2016: 738.684 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.961.524.231.496	9.600.099.685.033	461.158.947.117	29.886.932.589	2.370.983.862	13.055.040.780.097
Tăng trong kỳ	8.827.189.410	53.521.747.991	28.859.649.088	1.408.146.825	-	92.616.733.314
Tăng do nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát vào các công ty con	771.459.744	-	-	-	-	771.459.744
Tăng do mua các công ty con	-	-	838.500.000	-	-	838.500.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	364.847.325.073	3.987.223.800.963	6.043.242.418	39.545.455	-	4.358.153.913.909
Thanh lý và xóa sổ	-	(3.559.887.699)	(5.788.356.217)	(1.387.510.734)	-	(10.735.754.650)
Biến động khác	(10.400.000)	(1.719.392.494)	(526.581.688)	(324.500.000)	(1.776.541.200)	(4.357.415.382)
Số dư cuối kỳ	3.335.959.805.723	13.635.565.953.794	490.585.400.718	29.622.614.135	594.442.662	17.492.328.217.032
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	933.179.565.406	3.852.183.593.364	201.193.043.927	20.223.515.081	790.953.286	5.007.570.671.064
Khấu hao trong kỳ	112.963.999.525	628.967.456.707	30.068.364.175	2.188.026.328	100.254.784	774.288.101.519
Tăng do mua các công ty con	-	-	33.273.810	-	-	33.273.810
Thanh lý và xóa sổ	-	(3.498.942.817)	(5.693.076.843)	(1.001.262.066)	-	(10.193.281.726)
Biến động khác	-	(944.680.259)	(506.807.844)	-	(296.765.408)	(1.748.253.511)
Số dư cuối kỳ	1.046.143.564.931	4.476.707.426.995	225.094.797.225	21.410.279.343	594.442.662	5.769.950.511.156
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	2.028.344.666.090	5.747.916.091.669	259.965.903.190	9.663.417.508	1.580.030.576	8.047.470.109.033
Số dư cuối kỳ	2.289.816.240.792	9.158.858.526.799	265.490.603.493	8.212.334.792	-	11.722.377.705.876

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 1.246.081 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 1.021.785 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.623.177 triệu VND (1/1/2016: 4.908.798 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	188.088.756.072	3.659.413.523	1.500.909.664	193.249.079.259
Tăng trong kỳ	-	545.070.000	-	545.070.000
Số dư cuối kỳ	188.088.756.072	4.204.483.523	1.500.909.664	193.794.149.259
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	24.967.658.624	2.820.172.605	1.500.909.664	29.288.740.893
Khấu hao trong kỳ	1.743.960.666	344.193.687	-	2.088.154.353
Số dư cuối kỳ	26.711.619.290	3.164.366.292	1.500.909.664	31.376.895.246
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	163.121.097.448	839.240.918	-	163.960.338.366
Số dư cuối kỳ	161.377.136.782	1.040.117.231	-	162.417.254.013

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.918 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 1.411 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 85.691 triệu VND (1/1/2016: 77.867 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	220.669.064.952	15.780.994.600	236.450.059.552
Tăng trong kỳ	12.740.344.984	-	12.740.344.984
Thanh lý trong kỳ	(18.122.668.524)	-	(18.122.668.524)
Số dư cuối kỳ	215.286.741.412	15.780.994.600	231.067.736.012
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	43.955.766.732	-	43.955.766.732
Khấu hao trong kỳ	5.874.909.945	-	5.874.909.945
Thanh lý trong kỳ	(12.373.825.216)	-	(12.373.825.216)
Số dư cuối kỳ	37.456.851.461	-	37.456.851.461
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	176.713.298.220	15.780.994.600	192.494.292.820
Số dư cuối kỳ	177.829.889.951	15.780.994.600	193.610.884.551

Bất động sản đầu tư là nhà cửa của Tập đoàn bao gồm nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam, một số tầng cho thuê của các tòa nhà tại 257 Đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam và tại dự án Mandarin Garden, Hoàng Minh Giám, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất liên quan tới dự án Mandarin Garden. Quyền sử dụng đất này có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	4.339.188.508.885	429.472.156.988
Tăng trong kỳ/năm	1.014.288.067.490	4.522.554.816.392
Mua công ty con trong kỳ/năm	1.408.754.513	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.358.153.913.909)	(566.996.059.615)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.194.896.039)	(41.913.545.408)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(3.333.681.721)
Thanh lý trong kỳ/năm	(3.973.465.362)	-
Biến động khác	(3.273.742.846)	(595.177.751)
Số dư cuối kỳ/năm	984.289.312.732	4.339.188.508.885

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án khu liên hợp thép	167.453.285.746	3.741.704.609.074
Dự án nhà máy điện	184.410.678.390	117.760.569.806
Dự án mở rộng nhà máy Ống thép	147.919.243.475	150.545.022.392
Dự án nhà máy thức ăn chăn nuôi	221.490.874.715	124.154.056.454
Dự án trại chăn nuôi lợn và bò	210.404.262.410	-
Các dự án khác	52.610.967.996	205.024.251.159
Tổng cộng	984.289.312.732	4.339.188.508.885

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	51.510.458.326	223.773.189.559	233.090.784.881	23.536.108.962	19.772.286.952	551.682.828.680
Tăng trong kỳ	26.686.371.844	12.735.563.280	132.848.653.171	28.658.361.393	4.423.569.605	205.352.519.293
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	181.838.225	465.467.613	4.547.590.201	-	-	5.194.896.039
Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát vào công ty con	-	-	-	-	50.252.722.720	50.252.722.720
Phân loại lại	(240.641.259)	(603.686.998)	-	-	844.328.257	-
Thanh lý và xóa sổ	(8.039.680)	-	-	(643.153.874)	-	(651.193.554)
Phân bổ trong kỳ	(24.794.661.228)	(181.389.974.408)	(3.617.746.936)	(2.183.374.852)	(3.701.966.061)	(215.687.723.485)
Số dư cuối kỳ	53.335.326.228	54.980.559.046	366.869.281.317	49.367.941.629	71.590.941.473	596.144.049.693

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, một số chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 35.720 triệu VND (1/1/2016: 36.367 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí phải trả	36.243.491.121	26.957.539.726
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ bán hàng tồn kho và bán tài sản cố định giữa các công ty trong Tập đoàn	100.612.543.387	56.676.400.218
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	282.956.915	69.091.838
	137.138.991.423	83.703.031.782

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Lợi thế thương mại

	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VND	Công ty CP Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình VND	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước VND	Tổng VND
Giá gốc				
Số dư đầu kỳ	206.244.396.684	-	-	206.244.396.684
Tăng trong kỳ	-	4.367.130.430	578.844.304	4.945.974.734
Số dư cuối kỳ	206.244.396.684	4.367.130.430	578.844.304	211.190.371.418
Giá trị phân bổ lũy kế				
Số dư đầu kỳ	115.153.121.481	-	-	115.153.121.481
Phân bổ trong kỳ	10.312.219.834	-	578.844.304	10.891.064.138
Số dư cuối kỳ	125.465.341.315	-	578.844.304	126.044.185.619
Giá trị ghi sổ				
Số dư đầu kỳ	91.091.275.203	-	-	91.091.275.203
Số dư cuối kỳ	80.779.055.369	4.367.130.430	-	85.146.185.799

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

21.1 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được bù trừ/hoàn lại trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại/khấu trừ				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.770.133.071	-	(802.634.382)	5.967.498.689
Các khoản khác phải thu Nhà nước				
Khác	1.206.439.314	-	(547.673.542)	658.765.772
	7.976.572.385	-	(1.350.307.924)	6.626.264.461

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21.2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Tăng do mua công ty con VND	Số phải nộp/ (điều chỉnh) trong kỳ VND	Bù trừ với thuế được khấu trừ/số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	29.395.378.795	-	1.073.373.127.710	(1.059.607.902.870)	43.160.603.635
Thuế tiêu thụ đặc biệt	117.580.416	-	21.201.534.885	(17.988.561.797)	3.330.553.504
Thuế xuất nhập khẩu	892.864.191	-	60.822.250.105	(61.713.480.408)	1.633.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp	300.528.703.513	-	596.542.852.376	(366.492.126.000)	530.579.429.889
Thuế nhà thầu	1.426.954.456	-	13.118.858.533	(11.655.617.840)	2.890.195.149
Thuế thu nhập cá nhân	1.192.733.258	20.667.513	7.309.254.393	(7.186.060.332)	1.336.594.832
Thuế tài nguyên	4.675.648.019	-	30.781.106.358	(30.064.435.286)	5.392.319.091
Tiền thuế đất	57.304.516.484	-	5.774.384.036	(24.370.055.129)	38.708.845.391
Các loại thuế khác	2.995.720.675	-	17.485.723.289	(16.807.781.158)	3.673.662.806
	398.530.099.807	20.667.513	1.826.409.091.685	(1.595.886.020.820)	629.073.838.185

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả

22.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền điện	42.700.294.920	36.513.158.033
Chi phí khuyến mại	28.374.077.256	26.614.711.130
Chi phí lãi vay	16.574.158.307	18.514.828.201
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	5.317.130.641	9.085.228.848
Phí vận chuyển	8.739.991.480	2.864.387.729
Phí sử dụng thông tin thăm dò địa chất	1.422.758.984	1.402.755.548
Lương và thưởng	405.102.607	1.972.044.207
Chi phí phải trả khác	15.496.716.349	9.789.271.254
	119.030.230.544	106.756.384.950

22.2 Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất Khu công nghiệp	240.550.616.058	181.520.840.109

23. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện khoản doanh thu nhận trước từ việc cho thuê các bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Phải trả khác

24.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả Công ty TNHH RHI Retractories Asia-Pacific PTE	11.715.070.682	7.384.565.916
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	3.756.425.917	3.756.425.917
Chi phí lãi vay	6.006.976	106.154.801
Cổ tức phải trả	2.877.049.899	1.549.770.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.878.410.000	2.406.910.000
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng thuê đất khu công nghiệp	19.725.268.875	-
Nhận đặt cọc mua căn hộ Mandarin 2	50.896.293.808	-
Chiết khấu thương mại	36.767.726.817	41.960.588.602
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	11.409.105.598	8.788.887.474
Hàng mượn	1.645.954.360	2.728.208.404
Tài sản thừa chờ xử lý	1.374.328.989	497.821.990
Chi phí bảo lãnh	-	1.275.960.726
Các khoản phải trả khác	13.294.152.389	25.421.429.657
	<hr/>	<hr/>
	159.345.794.310	95.876.723.487
	<hr/>	<hr/>

24.2 Phải trả dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Quỹ bảo trì căn hộ	108.298.687.590	104.098.853.611
Các khoản phải trả khác	7.519.234.494	6.086.243.813
	<hr/>	<hr/>
	115.817.922.084	110.185.097.424
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay	25.1 Vay ngắn hạn	Biến động trong kỳ					
		1/1/2016		30/6/2016		Số có khả năng trả nợ VND	
		Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn		5.966.817.325.257	5.966.817.325.257	10.309.574.182.727	(11.025.503.157.758)	5.250.888.350.226	5.250.888.350.226
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25.2)		150.000.000.000	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-	-
		6.116.817.325.257	6.116.817.325.257	10.309.574.182.727	(11.175.503.157.758)	5.250.888.350.226	5.250.888.350.226

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm các khoản vay bằng VND và USD với giá trị tương ứng là 5.133.067 triệu VND và 117.821 triệu VND (1/1/2016: 5.881.883 triệu VND và 84.934 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và bằng USD với giá trị ghi số tương ứng là 4.954.957 triệu VND và 61.694 triệu VND (1/1/2016: 5.394.158 triệu VND và 55.508 triệu VND) được bảo đảm bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 13), tài sản cố định (Thuyết minh 14 và 15), chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 18) và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“cổ phiếu HPG”) thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty (bên liên quan).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất tương ứng từ 3,8% đến 5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 3,1% đến 5%) một năm và từ 1,2% đến 1,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 1,2% đến 1,5%) một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25.2 Vay dài hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	600.000.000.000	889.000.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	-	(150.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	600.000.000.000	739.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại	Lãi suất năm	Năm	30/6/2016	1/1/2016
	tiền	(%)	đáo hạn	VND	VND
Ngân hàng CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
(a)	VND	8%	2020	-	289.000.000.000
Vay từ cá nhân (b)	VND	11% - 12%	2019	600.000.000.000	600.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
				600.000.000.000	889.000.000.000
				<hr/>	<hr/>

(a) Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng đã được hoàn trả trước hạn trong năm 2016.

(b) Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Dự phòng

	Chi phí bảo hành VND	Dự phòng khôi phục môi trường VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	17.346.213.438	8.762.096.454	26.108.309.892
Dự phòng lập trong kỳ	3.923.512.547	-	3.923.512.547
Số dư cuối kỳ	21.269.725.985	8.762.096.454	30.031.822.439
Ngắn hạn	9.503.270.688	-	9.503.270.688
Dài hạn	11.766.455.297	8.762.096.454	20.528.551.751

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	349.360.107.894	214.569.969.365
Trích lập trong kỳ/năm	47.762.949.267	260.167.975.341
Sử dụng trong kỳ/năm	(107.095.680.914)	(125.377.836.812)
Số dư cuối kỳ/năm	290.027.376.247	349.360.107.894

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	674.783.632.921	4.094.767.826.367	169.355.717.253	11.965.339.743.609
Góp vốn	-	-	-	-	-	58.500.000	58.500.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.887.991.855.666	14.028.750.898	1.902.020.606.564
Phát hành cổ phiếu từ tháng dự vốn cổ phần	1.465.851.380.000	(1.465.851.380.000)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	67.350.000.000	(67.350.000.000)	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	977.231.060.000	-	-	-	(977.231.060.000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(488.625.075.000)	-	-
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(181.000.000)	-	-	-	(181.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(85.312.875.412)	-	(85.312.875.412)
Thu lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	(437.637.388)	16.191.575	(421.445.813)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(181.000.000)	674.783.632.921	4.431.053.034.233	132.764.695.269	13.242.083.989.491
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(638.500.000)	891.436.091.839	5.549.332.356.102	22.916.810.301	14.466.710.385.310
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát vào công ty con	-	-	-	-	-	55.457.499.765	55.457.499.765
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.047.844.176.835	2.356.325.385	3.050.200.502.220
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(47.762.949.267)	-	(47.762.949.267)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.971.656.062)	(2.971.656.062)
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(322.500.000)	-	322.500.000	-	-
Thu lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	4.343.833.683	(161.576.054)	4.182.257.629
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.329.514.190.000	674.149.437.068	(961.000.000)	891.436.091.839	8.554.019.917.353	77.597.403.335	17.525.756.039.595

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	732.951.419	7.329.514.190.000	732.951.419	7.329.514.190.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	732.951.419	7.329.514.190.000	732.951.419	7.329.514.190.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(96.100)	(961.000.000)	(63.850)	(638.500.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	732.855.319	7.328.553.190.000	732.887.569	7.328.875.690.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ/năm	732.887.569	7.328.875.690.000	481.908.175	4.819.081.750.000
Phát hành cổ phiếu từ				
thặng dư vốn cổ phần	-	-	146.585.138	1.465.851.380.000
Phát hành cổ phiếu thưởng				
cho người lao động	-	-	6.735.000	67.350.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	97.723.106	977.231.060.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho				
nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(32.250)	(322.500.000)	(63.850)	(638.500.000)
Số dư cuối kỳ/năm	732.855.319	7.328.553.190.000	732.887.569	7.328.875.690.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Cổ tức

Ngày 14 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu mới). Thời gian chi trả cổ tức dự kiến là tháng 9 năm 2016. Phương án chi trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

31. Quỹ đầu tư và phát triển

Hàng năm, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con trích lập quỹ đầu tư và phát triển từ lợi nhuận sau thuế với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn cổ phần của từng công ty.

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

32.1 Ngoại tệ

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	343.165	7.737.343.059	5.339.407	119.887.573.966
EUR	2.073	51.682.711	-	-

32.2 Cam kết hợp đồng thuê

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	2.416.570.374	2.416.570.374
Trong vòng hai đến năm năm	9.666.281.496	10.191.543.870
Sau năm năm	58.285.233.945	60.761.488.450
	70.368.085.815	73.369.602.694

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	15.212.285.301.530	12.992.705.562.002
▪ Cung cấp dịch vụ	32.239.033.148	45.835.676.778
▪ Doanh thu bán đất thuê	19.112.908.334	310.231.244.198
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	15.391.774.364	12.370.869.673
▪ Doanh thu bán bất động sản	121.444.900.000	306.507.406.000
	<hr/>	<hr/>
	15.400.473.917.376	13.667.650.758.651
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(190.470.134.945)	(170.106.648.796)
▪ Giảm giá hàng bán	(10.129.803.137)	(400.148.771)
▪ Hàng bán bị trả lại	(9.237.511.521)	(11.441.605.232)
	<hr/>	<hr/>
	(209.837.449.603)	(181.948.402.799)
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	15.190.636.467.773	13.485.702.355.852

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	11.146.334.258.282	10.363.573.647.989
Dịch vụ đã cung ứng	20.172.280.577	25.884.378.360
Giá vốn của đất thuê đã bán	643.153.875	177.753.179.757
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	4.422.407.672	4.723.770.818
Giá vốn của bất động sản đã bán	67.590.713.792	186.704.559.741
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.900.064.412)	11.678.349.505
	11.188.262.749.786	10.770.317.886.170

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn trích trước của hàng hóa thành phẩm bất động sản đã bán như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2016		30/6/2015	
	Thời gian chi phí	VND	Thời gian chi phí	VND
	dự kiến phát sinh		dự kiến phát sinh	
Dự án Khu công nghiệp Hòa Mạc	-	-	18 tháng	6.025.003.401
Dự án Mandarin	-	-	6 tháng	377.964.156
Dự án Khu công nghiệp Phố Nối A	-	-	30 tháng	81.012.294.053
		-		87.415.261.610

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	79.906.904.123	49.975.934.378
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.917.774.605	75.711.665.227
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	117.931.535	35.938.824
Doanh thu hoạt động tài chính khác	92.017.558	41.670.018
	<hr/>	<hr/>
	113.034.627.821	125.765.208.447
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	148.371.369.786	109.641.559.405
Chiết khấu thanh toán	7.122.693.536	6.378.306.856
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.889.517.705	55.597.772.601
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.250.128.920	57.977.520.974
Chi phí tài chính khác	204.060.745	1.696.360.225
	<hr/>	<hr/>
	188.837.770.692	231.291.520.061
	<hr/>	<hr/>

37. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	14.302.027.212	15.053.224.927
Chi phí nhân viên	23.481.963.998	10.156.535.948
Chi phí bảo hành	6.557.118.800	3.868.105.469
Chi phí vận chuyển	70.625.800.802	88.773.776.405
Chi phí xuất khẩu	11.034.565.643	12.400.985.956
Chi phí khuyến mại	18.519.144.658	8.865.586.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác	52.518.306.741	56.826.243.989
	<hr/>	<hr/>
	197.038.927.854	195.944.459.639
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Phân bổ lợi thế thương mại	10.891.064.138	60.745.454.988
Chi phí nhân viên	80.483.128.868	61.088.168.375
Chi phí khấu hao	11.904.136.255	22.980.049.174
Phí, lệ phí	5.157.531.577	806.122.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	50.588.353.658	67.067.905.740
	159.024.214.496	212.687.701.047

39. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	17.831.123.680	271.654.805
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	194.131.804.503	115.622.997.764
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	8.683.869.240	2.867.091.854
Thu nhập khác	7.803.205.858	13.529.296.225
	228.450.003.281	132.291.040.648

40. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	6.022.150.547	45.349.337.688
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	190.448.681.287	112.452.875.775
Phí cấp quyền khai thác	-	11.008.685.633
Phí sử dụng thông tin thăm dò địa chất	-	2.323.449.054
Phí bảo dưỡng	-	7.099.867.044
Chi phí khác	9.306.053.369	8.982.192.520
	205.776.885.203	187.216.407.714

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	9.229.324.748.810	8.123.965.577.822
Chi phí nhân viên	510.221.580.021	400.566.273.887
Chi phí khấu hao	785.868.912.753	586.713.806.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	774.183.046.116	711.345.221.880
Chi phí khác	1.067.084.194.974	952.466.533.928

42. Thuế thu nhập

42.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Kỳ hiện hành	598.016.756.237	256.352.489.872
Thuế TNDN trích thừa năm trước	(1.473.903.861)	-
	596.542.852.376	256.352.489.872
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(53.593.405.086)	(12.123.277.780)
Chi phí thuế TNDN	542.949.447.290	244.229.212.092

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.593.149.949.510	2.146.249.818.656
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	10.351.759.611	9.713.299.273
Phân bổ lợi thế thương mại	10.891.064.138	60.745.454.988
Lỗ do mua bán các công ty con giữa các công ty trong Tập đoàn	(125.033.940.570)	-
Lỗ được chia từ các công ty liên kết	(30.601.334)	(50.811.660)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(134.000.000.000)	-
Phân bổ nhanh chi phí trả trước dài hạn	73.193.494.241	-
Giá vốn trích trước của bất động sản đã bán	40.930.714.705	-
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời khác	179.726.464.022	181.342.566.570
Thu nhập được miễn thuế	(137.734.604.415)	(81.195.293.812)
	3.511.444.299.908	2.316.805.034.015
Lỗ năm trước chuyển sang	(16.548.655.416)	(4.965.184.679)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.494.895.644.492	2.311.839.849.336
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính theo thuế suất của Công ty	698.979.128.898	508.604.766.854
Ưu đãi thuế của các công ty con	(81.169.179.320)	(260.358.883.695)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(24.901.799.696)	(14.214.497.860)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	5.108.606.355	22.321.104.573
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(53.593.405.086)	(12.123.277.780)
Thuế TNDN trích thừa năm trước	(1.473.903.861)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	542.949.447.290	244.229.212.092

42.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2016 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%).

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

43. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

43.1 Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 (Số cổ phiếu)	30/6/2015 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	732.887.569	481.908.175
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	97.723.106
Ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ từ thặng dư vốn cổ phần	-	146.585.138
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động	-	6.735.000
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(32.250)	(18.100)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	732.855.319	732.933.319

43.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông (*)	3.047.844.176.835	1.887.991.855.666
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	732.855.319	732.933.319
	4.159	2.576

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi. Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ.2016 phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2016, mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 tối đa bằng 5% lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Các công cụ tài chính

44.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

44.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	3.043.252	2.365.397
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn	(b)	610.410	841.132
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn và dài hạn khác	(c)	899.374	1.225.263
Phải thu về cho vay dài hạn		5.000	5.000
		<hr/>	<hr/>
		4.558.036	4.436.792

(a) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(b) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(c) *Phải thu khách hàng và phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu chưa bị tổn thất như sau:

	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Chưa quá hạn	731.398	1.153.730
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	126.822	20.670
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	27.873	50.286
Quá hạn trên 180 ngày	13.281	577
	899.374	1.225.263

Biến động trong kỳ/năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	41.276.739.619	40.801.876.327
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	277.609.383	1.367.179.636
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(118.108.694)	(892.316.344)
	41.436.240.308	41.276.739.619

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Phải trả người bán và phải trả khác	2.866.150	2.866.150	2.618.080	248.070	-
Các khoản vay	5.850.888	6.126.005	5.364.005	67.500	694.500
	8.717.038	8.992.155	7.982.085	315.570	694.500
Ngày 1 tháng 1 năm 2016					
Phải trả người bán và phải trả khác	3.014.506	3.014.506	2.826.899	187.607	-
Các khoản vay	6.855.817	6.948.270	6.493.685	454.585	-
	9.870.323	9.962.776	9.320.584	642.192	-

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

44.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.165	2.073	5.339.407	-
Phải thu khách hàng	-	-	581.252	-
Phải trả người bán ngắn hạn	(43.623.704)	(1.514.357)	(53.204.695)	-
Vay ngắn hạn	(5.239.221)	-	(3.768.294)	-
				-
	(48.519.760)	(1.512.284)	(51.052.330)	-

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2016	1/1/2016
USD/VND	22.547	22.547
EUR/VND	24.931	-

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016 Triệu VND	1/1/2016 Triệu VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	3.078.623	2.864.498
Nợ phải trả tài chính	(5.850.888)	(6.566.817)
	(2.772.265)	(3.702.319)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	-	(289.000)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn không có công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi nên việc thay đổi 1% lãi suất không ảnh hưởng tới lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 2.890 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, sẽ không thay đổi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	519.619	519.619	758.095	758.095
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	90.791	(*)	83.037	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3.052.405	3.052.405	2.372.762	2.372.762
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	887.355	887.355	1.213.778	1.213.778
- Phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác	17.019	(*)	16.485	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	19.478	(*)	19.508	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(2.618.080)	(2.618.080)	(2.826.899)	(2.826.899)
- Chi phí phải trả dài hạn và phải trả dài hạn khác	(248.070)	(*)	(187.607)	(*)
- Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn	(5.850.888)	(5.850.888)	(6.855.817)	(6.863.252)
	(4.130.371)		(5.406.658)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

45. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Thành viên của Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc		
và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	4.417.982.381	3.891.886.062
Thù lao	2.624.000.000	1.541.000.000

Hoa Phat Group Joint Stock Company
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2016 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

46. Non-cash investing and financing activities

	Six-month period ended	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Capital contribution in the form of assets by non-controlling shareholders	55,447,499,765	-
Payment of dividends in the form of shares	-	977,231,060,000
Issuance of bonus shares to employees	-	67,350,000,000
Issuance of shares from capital surplus	-	1,465,851,380,000

47. Corresponding figures

Certain corresponding figures have been reclassified to conform with the current period's presentation. A comparison of the amounts previously reported and as reclassified is as follows:

Consolidated statement of income

	Six-month period ended	
	30/6/2015 (as reclassified) VND	30/6/2015 (as previously reported) VND
Other income	132,291,040,648	136,383,800,325
Other expenses	187,216,407,714	191,309,167,391

22 August 2016

Prepared by:



Dinh Phuong Loan
General Accountant

Approved by:



Pham Thi Kim Oanh
Chief Accountant



Trần Tuấn Dương
General Director